

Số: 131/BC-UBND

Minh Long, ngày 28 tháng 6 năm 2016

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình thực nhiệm vụ thu, chi ngân sách 6 tháng đầu năm và Phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016**

Thực hiện Quyết định số 400/QĐ-UBND ngày 15/12/2015 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao dự toán thu ngân sách trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2016.

Căn cứ Nghị Quyết số 20/2015/NQ-HĐND ngày 25/12/2015 của HĐND huyện về việc phân bổ dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2016.

Sau 6 tháng tổ chức, triển khai, thực hiện nhiệm vụ của các cơ quan chức năng huyện và UBND các xã đã được UBND huyện giao nhiệm vụ thực hiện kế hoạch thu, chi ngân sách năm 2016. Nay Ủy ban nhân dân huyện báo cáo kết quả công tác thu, chi ngân sách và công tác quyết toán dự án hoàn thành 6 tháng đầu năm và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016 trên địa bàn huyện cụ thể như sau:

#### **A. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN**

##### **I. Kết quả thực hiện thu, chi ngân sách và quyết toán dự án hoàn thành 6 tháng đầu năm 2016.**

###### **1. Thu ngân sách:**

Tổng thu NSNN 6 tháng đầu năm 2016 ước đạt: 92.906 triệu đồng, bằng 69,5% so với dự toán HĐND huyện giao. Bao gồm:

- Thu NSNN trên địa bàn ước đạt: 4.481 triệu đồng, đạt 64,1% so với dự toán HĐND huyện giao (Trong đó: Phần chi cục thuế quản lý 3.174 triệu đồng đạt 47,6% dự toán tỉnh giao và 45,3% dự toán HĐND huyện giao; phần Công ty cổ phần điện 41 triệu đồng; Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu Gia bảo 1.266 triệu đồng).

- Thu ngân sách cấp dưới nộp lên: 910 triệu đồng.

- Thu chuyển nguồn: 19.525 triệu đồng.

- Thu trợ cấp ngân sách cấp trên 67.990 triệu đồng, đạt 53,7% so với dự toán HĐND huyện giao (Trong đó: Thu bổ trợ cấp cân đối theo dự toán đầu năm 54.600 triệu đồng, thu bổ có mục tiêu theo dự toán đầu năm 8.478 triệu đồng, thu bổ sung có mục tiêu phát sinh trong quá trình thực hiện dự toán 4.912 triệu đồng).

###### **2. Chi ngân sách:**

Tổng chi NSDP 6 tháng đầu năm 2016 ước thực hiện 76.616 triệu đồng, bằng 45,6% tổng dự toán huyện giao, trong đó:

- Tổng chi theo dự toán HĐND huyện giao đầu năm là 66.503 triệu đồng, bằng 50,4% tổng dự toán huyện giao, bao gồm:

- + Chi đầu tư 8.036 triệu đồng, bằng 82,9% dự toán huyện giao.
- + Chi thường xuyên 51.598 triệu đồng, bằng 50,8% dự toán huyện giao .
- + Chi dự phòng ngân sách 320 triệu đồng, bằng 11,6% dự toán huyện giao.
- + Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu theo dự toán đầu năm: 6.549 triệu đồng, bằng 36,7% dự toán giao.
- Chi từ nguồn kinh phí chuyển nguồn năm 2015 sang năm 2016 là 7.254 triệu đồng, bằng 46,2% số kinh phí chuyển nguồn.
- Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của tỉnh là 2.859 triệu đồng, bằng 58,2% trên tổng kinh phí tỉnh bổ sung.

### **3. Quyết toán dự án hoàn thành:**

Sáu tháng đầu năm 2016 cơ quan chức năng đã tiếp nhận 31 hồ sơ trình phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. (Trong đó: Các dự án thuộc năm 2015 chuyển sang là 3 hồ sơ). Đã phê duyệt 28 dự án với tổng giá trị đề nghị của chủ đầu tư là 49.470 triệu đồng, kết quả thẩm tra và phê duyệt là 49.455 triệu đồng, giá trị được duyệt giảm so với giá trị chủ đầu tư trình là 15 triệu đồng. Tổng số hồ sơ còn lại 03 dự án .

## **II. Đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ thu, chi ngân sách và quyết toán dự án hoàn thành 6 tháng đầu năm 2016.**

### **1. Thu ngân sách:**

Ngay từ đầu năm, thực hiện Nghị quyết HĐND huyện giao. Chi cục thuế triển khai thực hiện dự toán (không tính khoản thu từ nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu Gia bảo và Công ty cổ phần điện) chỉ đạt 47,6% dự toán. Nguyên nhân không hoàn thành nhiệm vụ 6 tháng đầu năm như sau:

- Nguồn thu thuế ngoài quốc doanh đạt thấp, vì số thu chủ yếu từ doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực xây dựng, nhưng hoạt động lĩnh vực xây dựng sáu tháng đầu năm chưa mạnh, một số dự án mới khởi công, giá trị thanh toán thấp.
- Khoản thu khác ngân sách đạt thấp vì khoản thu này chủ yếu tập trung vào các xã thu từ bến bãi cát sạn, nhưng trên thực tế khối lượng khoáng sản rất ít và chưa được phép khai thác.

### **2. Chi ngân sách:**

Năm 2016 là năm cuối thời kỳ ổn định ngân sách 2011-2015 theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước. Ngay từ đầu năm, khi giao dự toán ngân sách UBND huyện đã chỉ đạo và nêu giải pháp bảo đảm tiết kiệm thêm 23% chi thường xuyên theo quy định của UBND tỉnh. Qua kết quả thực hiện từng ngành, UBND các xã đã bố trí sắp xếp hợp lý các công việc và thực hiện nhiệm vụ chi phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị, qua đó các khoản chi thường xuyên luôn được đảm bảo.

Công tác điều hành và quản lý chi ngân sách 6 tháng đầu năm 2016 của các đơn vị, địa phương đã bám sát dự toán được giao, đáp ứng được các nhiệm vụ và kế hoạch đề ra. Các nhiệm vụ chi ngân sách về cơ bản đều đạt dự toán, đã góp phần hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của huyện.

Ngoài nhiệm vụ chi thường xuyên, huyện đã chủ động bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ đột xuất phát sinh như; đảm bảo an sinh - xã hội và những nhiệm vụ chính trị lớn của địa phương.

Chủ động cân đối nguồn lực để bố trí đầu tư các công trình XD CB trên địa bàn.

Thường xuyên chỉ đạo các ngành chức năng tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, kiểm soát chi trong quá trình chấp hành dự toán ngân sách, phát hiện và uốn nắn kịp thời, những trường hợp chi sai, vượt chế độ và định mức quy định hiện hành.

Thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP của Chính phủ và các văn bản của Tỉnh trong chỉ đạo, điều hành nhiệm vụ tài chính - ngân sách nhà nước năm 2016.

Ngân sách huyện và xã luôn đảm bảo cân đối chi theo nhiệm vụ phân cấp. Tồn quỹ ngân sách luôn được đảm bảo chi thường xuyên, ngân sách huyện bổ sung cân đối kịp thời cho ngân sách xã theo kế hoạch dự toán được giao đầu năm.

### **3. Quyết toán dự án hoàn thành:**

Đối với công tác quyết toán các công trình XD CB trên địa bàn huyện 6 tháng đầu năm 2016, nhìn chung các đơn vị được UBND huyện giao nhiệm vụ, quản lý điều hành dự án cơ bản thực hiện đảm bảo thời gian theo quy định về quyết toán vốn đầu tư. Cơ quan chuyên môn tích cực công tác thẩm tra kịp thời nên hồ sơ tồn đọng ít.

## **B. NHIỆM VỤ, BIỆN PHÁP THỰC HIỆN 06 THÁNG CUỐI NĂM 2016**

### **I. Nhiệm vụ trọng tâm 6 tháng cuối năm:**

- Tập trung sự lãnh đạo Huyện ủy và chỉ đạo điều hành dự toán ngân sách của UBND huyện, thực hiện nghiêm Luật NSNN, luật quản lý thuế và các chế độ chính sách về quản lý tài chính ngân sách Nhà nước. UBND huyện yêu cầu các cơ quan chuyên môn huyện và UBND năm xã, phối hợp chặt chẽ trong công tác quản lý khai thác mọi nguồn thu, tích cực thu các khoản thuế, phí còn tồn đọng. Thực hiện tốt phương châm: Thu đúng, thu đủ và nộp kịp thời vào NSNN. Phấn đấu thu hoàn thành vượt kế hoạch thu ngân sách mà tỉnh và HĐND huyện giao.

- Chỉ đạo chi NSNN theo đúng dự toán được giao, tiết kiệm chi hành chính, để tăng nguồn chi chế độ liên quan đến con người.

- Đối với nguồn bổ sung có mục tiêu từ Ngân sách tỉnh: Thực hiện cấp phát kịp thời các chương trình mục tiêu do UBND tỉnh phê duyệt.

Để thực hiện thắng lợi NQ của HĐND huyện về việc phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2016, đòi hỏi các cấp, các ngành cần phải nỗ lực phấn đấu, thực hiện các chỉ tiêu còn lại, cụ thể như sau:

### **1. Thu ngân sách theo dự toán còn lại năm 2016: 82.890 triệu đồng.**

*Trong đó:*

- Thu ngân sách trên địa bàn: 3.888 triệu đồng.

- Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 63.577,5 triệu đồng.

- Thu kết dư: 15.424,5 triệu đồng.

Ngoài việc chúng ta phân đấu thực hiện hoàn thành chỉ tiêu còn lại như trên, chúng ta còn phải phân đấu tăng thu ngân sách để đạt và vượt chỉ tiêu tỉnh và HĐND huyện giao, nhất là các khoản thu tại xã như thu phí, lệ phí và các khoản thu ngân sách khác trên địa bàn.

## **2. Chi ngân sách 6 tháng còn lại năm 2016 là : 90.022 triệu đồng**

*Trong đó:*

- Chi theo dự toán đầu năm: 64.095 triệu đồng.
- Chi từ nguồn chuyển nguồn: 8.450 triệu đồng.
- Chi từ nguồn tỉnh bổ sung có mục tiêu: 2.053 triệu đồng.
- Chi từ nguồn kết dư ngân sách: 15.424 triệu đồng.

Ngoài nhiệm vụ chi theo dự toán còn lại, chúng ta còn phải thực hiện một số nhiệm vụ đột xuất phát sinh khác mà chúng ta chưa lường trước được.

## **II. Biện pháp**

Nhằm thực hiện đạt, vượt kế hoạch Tỉnh và Nghị quyết HĐND huyện giao đầu năm cũng như dự toán đề nghị điều chỉnh. Trên cơ sở những kết quả đạt được trong 06 tháng đầu năm, các ngành các xã trong huyện cần tập trung thực hiện một số biện pháp chủ yếu trong 06 tháng cuối năm như sau:

### **1. Về công tác thu ngân sách:**

Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền chính sách pháp luật về thuế bằng nhiều hình thức, kịp thời hỗ trợ người nộp thuế khi có yêu cầu.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát khai thuế của doanh nghiệp; đẩy mạnh công tác kiểm tra thuế theo kế hoạch.

Tăng cường đôn đốc thu, không để nợ phát sinh, xử lý các khoản nợ đọng và các vi phạm khác về thuế.

Tiếp tục theo dõi khai, nộp thuế điện tử đối với người nộp thuế.

Tăng cường công tác kiểm tra, khai thác, quản lý tốt các nguồn thu trên lĩnh vực, địa bàn quản lý.

Khai thác, thực hiện có hiệu quả hệ thống ứng dụng điện tử của ngành thuế.

Tăng cường hơn nữa công tác phối hợp giữa UBND các xã và các ngành có liên quan.

### **2. Về chi ngân sách:**

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 07/01/2016 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu trong chỉ đạo điều hành thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế- xã hội và dự toán ngân sách năm 2016.

Tập trung thực hiện tốt các chính sách an sinh- xã hội như: tiền điện hộ nghèo; miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP; chi trả kịp thời các chính sách trợ giúp các đối tượng

bảo trợ xã hội theo Nghị định 136/2013/NĐ-CP, rà soát lại các khoản chi thực hiện các chế độ chính sách thuộc vùng có kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Triển khai thực hiện Nghị định 47/2016/NĐ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ quy định mức lương cơ sở đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang.

Thủ trưởng các đơn vị, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã phải chủ động rà soát các nhiệm vụ chi trong dự toán năm được giao, tăng cường quản lý chi tiêu đảm bảo tiết kiệm, chặt chẽ và hiệu quả, tiết giảm tối đa các chi phí điện, nước, văn phòng phẩm, xăng dầu,...cắt giảm tối đa các khoản chi khánh tiết, hội nghị, hội thảo, sơ kết, tổng kết.

Các cơ quan, đơn vị thực hiện chế độ tự chủ về tài chính cần rà soát lại quy chế chi tiêu nội bộ đã lập, cần điều chỉnh lại cho sát hợp với thực tế.

Tăng cường công tác tự kiểm tra tài chính, quản lý vốn, tài sản công tại các đơn vị sử dụng ngân sách. Thủ trưởng ban ngành huyện, Chủ tịch UBND các xã, tổ chức kiểm tra tài chính kế toán của đơn vị mình, đồng thời chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra.

Các ngành, đơn vị theo nhiệm vụ chức năng tăng cường công tác kiểm soát chi, cương quyết trong việc xử lý các khoản chi chưa đúng chế độ.

### **3. Về quyết toán vốn đầu tư:**

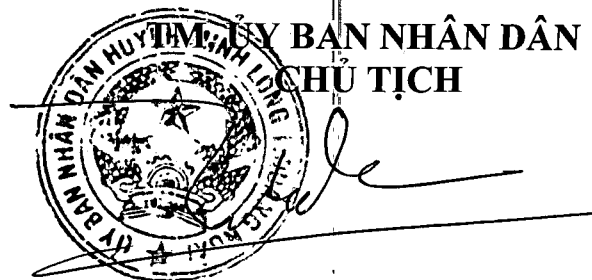
Chỉ đạo cơ quan chức năng đẩy nhanh công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, tập trung giải quyết các dự án hiện tồn đọng; đồng thời chỉ đạo các chủ đầu tư và các đơn vị được giao quản lý dự án, hoàn chỉnh hồ sơ quyết toán đối với các dự án hoàn thành nghiệm thu đưa vào sử dụng trình cấp thẩm quyền phê duyệt.

*(Kèm theo Báo cáo này biểu số 01,02 và phụ lục số 01,02,03 04,05,06,07)*

Trên đây là Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán thu, chi Ngân sách địa phương và quyết toán dự án hoàn thành 6 tháng đầu và phương hướng nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016. Ủy ban nhân dân huyện kính báo cáo trước kỳ họp./.

#### **Nơi nhận:**

- TT. HU, HĐND huyện;
- ĐB. HĐND huyện;
- CT, các PCT;
- Ủy viên UBND huyện;
- Ban KT-XH HĐND huyện;
- Phòng TC-KH huyện;
- VP: C, PCVP;
- Lưu VT.



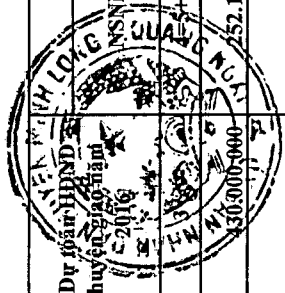
**Võ Đình Tiến**

**BÁO CÁO THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ NHIỆM VỤ 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016**  
**31/BC-UBND ngày 28/6/2016 của Ủy ban Nhân dân huyện Minh Long**

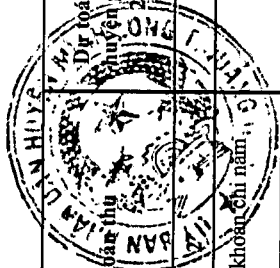
ĐVT: đồng

TT	Khoản thu	Dự toán HĐND huyện giao năm 2016	Ước thực hiện đến 30/6/2016							Số sánh (%)
			NSNN	NSTW	NSDP	NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã		
1	2	3	4=5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10	11=4/3
	<b>TỔNG THU NGÂN SÁCH</b>	133.650.000.000	92.906.351.377	1.287.133.735	91.619.217.642	253.259.774	87.067.693.276	4.298.264.592	82.890.655.250	69,5
I	Tổng thu trên địa bàn	6.995.000.000	4.481.236.455	1.287.133.735	3.194.102.720	137.465.780	2.578.901.235	477.735.705	3.888.606.757	64,1
1	Thu từ khu vực công thương nghiệp, DV quốc doanh	-	41.086.548	15.633.752	25.452.796	24.452.796	1.000.000	-	-	
	Thuế giá trị gia tăng (Công ty Điện Minh Long)		40.086.548	15.633.752	24.452.796	24.452.796				
	Thuế môn bài (Công ty Điện Minh Long)		1.000.000		1.000.000					
	Thuế thu nhập doanh nghiệp		-		-					
	Thuế tài nguyên		-		-					
	Thu khác QĐ		-		-					
2	Thu từ khu vực công thương nghiệp, DV ngoài quốc doanh	3.500.000.000	3.015.595.924	1.032.337.735	1.983.258.189	-	1.895.580.997	87.677.192	1.818.125.195	86,2
2.1	Công ty Gia Bảo		1.265.975.994	493.730.637	772.245.357	-	772.245.357	-		
	Thuế giá trị gia tăng		1.265.975.994	493.730.637	772.245.357					
2.2	Phần chi cục thuế thực hiện		1.749.619.930	538.607.098	1.211.012.832	-	1.123.335.640	87.677.192	1.818.125.195	
	Trong đó:									
	Thuế giá trị gia tăng	3.195.000.000	1.440.385.525	475.560.337	964.825.188	-	936.017.636	28.807.552	1.754.614.475	45,1
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	120.000.000	161.658.382	63.046.761	98.611.621		98.611.621	-		134,7
	Thuế tài nguyên	70.000.000	15.239.280		15.239.280		7.619.640	7.619.640	54.760.720	21,8
	Thuế môn bài	85.000.000	76.250.000		76.250.000		25.000.000	51.250.000	8.750.000	89,7
	Thu khác ngoài QĐ	30.000.000	56.086.743		56.086.743		56.086.743	-		187,0





TT	Khoản thu	Ước thực hiện đến 30/6/2016							Số sánh (%)
		NSTW	NSDP	Chia ra			Nhiệm 6 tháng cuối năm 2016		
				NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã			
1	2	5	6=7+8+9	7	8	9	10	11=4/3	
3	Lệ phí trước bạ	-	252.163.845	-	248.703.853	3.459.992	177.836.155	58,6	
4	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	
5	Thuế thu nhập cá nhân	113.623.232	71.650.184	71.650.184	-	-	136.376.768	45,4	
6	Thu phí và lệ phí	195.979.000	177.668.500	-	7.958.000	169.710.500	284.021.000	40,8	
	- Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính	-	-	-	-	-	-	-	
	- Phí thuộc lĩnh vực thương mại, đầu tư	148.121.500	148.121.500	-	-	148.121.500	-	-	
	- Phí thuộc lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường	7.774.000	7.774.000	-	7.774.000	-	-	-	
	- Ăn phí	2.877.000	2.877.000	-	-	-	-	-	
	- Lệ phí quốc tịch, hộ tịch, hộ khẩu, CMND	-	-	-	-	-	-	-	
	- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	
	- Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm	-	-	-	-	-	-	-	
	- Lệ phí cấp giấy phép xây dựng	-	-	-	-	-	-	-	
	- Lệ phí đăng ký cấp biên phương tiện giao thông	15.433.500	15.433.500	-	-	-	-	-	
	- Phi chứng thực, phí công chứng	21.773.000	21.773.000	-	184.000	21.589.000	-	-	
7	Thu tiền sử dụng đất	733.000.000	43.094.000	-	43.094.000	-	689.906.000	5,9	
8	Thu tiền cho thuê mặt đất, mặt nước	2.000.000	1.808.810	-	1.808.810	-	-	90,4	
9	Các khoản thu về nhà đất	226.735	226.735	-	158.714	68.021	-	-	
10	Thu khác ngân sách	1.200.000.000	600.838.361	-	380.596.861	-	599.161.639	50,1	
	- Thu từ tài sản khác: Mô tô	59.476.000	59.476.000	-	59.476.000	-	-	-	
	- Thu tiền cho thuê tài sản nhà nước	35.400.000	35.400.000	-	35.400.000	-	-	-	



TT	Dư toán HĐND Huyện giao năm 2016	Ước thực hiện đến 30/6/2016							Số sánh (%)	
		NSNN	NSTW	NSDP	Chia ra			Nhiệm 6 tháng cuối năm 2016		
					NS cấp tỉnh	NS cấp huyện	NS cấp xã			
I	3	4=5+6	5	6=7+8+9	7	8	9	10	11=4/3	
	- Thu hồi các khoản chi năm trước	219.521.361		219.521.361	35.362.800	184.158.561				
	- Thu tịch thu	-		-						
	- Các khoản phạt của tòa án	6.000.000		6.000.000						
	- Phạt vi phạm về trật tự an ninh, quốc phòng	7.500.000		7.500.000		7.500.000				
	- Phạt vi phạm HC về bảo vệ môi trường	-		-						
	- Phạt vi phạm về trồng và bảo vệ rừng	4.400.000		4.400.000		4.400.000				
	- Phạt vi phạm giao thông	255.541.000	178.878.700	76.662.300		76.662.300				
	- Phạt vi phạm khác	13.000.000		13.000.000		13.000.000				
II	400.000.000	216.820.000		216.820.000			216.820.000	183.180.000	54,2	
III	THU TỪ NGÂN SÁCH CẤP ĐỐI NỢ LÊN	910.170.458		910.170.458	115.793.994	794.376.464				
IV	THU CHUYỂN NGUỒN	19.524.957.548		19.524.957.548		15.704.428.661	3.820.528.887			
V	THU TRỢ CẤP	126.655.000.000		126.655.000.000		67.989.986.916		15.424.548.493		
1	Thu trợ cấp cân đối	109.700.000.000		109.700.000.000		54.600.000.000		63.577.500.000	53,7	
2	Thu trợ cấp có mục tiêu	16.955.000.000		16.955.000.000		13.389.986.916		8.477.500.000	79,0	
	- Thu trợ cấp có mục tiêu theo dự toán đầu năm	16.955.000.000		16.955.000.000		8.477.500.000		8.477.500.000	50,0	
	- Thu trợ cấp có mục tiêu phát sinh trong năm					4.912.486.916	4.912.486.916			



Biểu số 02

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHỈ NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016 VÀ  
NHIỆM VỤ CHI 6 THÁNG CUỐI NĂM 2016**


(Kèm theo Báo cáo số 17/BC-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2016 của UBND huyện)



Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Chi tiêu	Tổng Dự toán năm 2016	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2016	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016	So sánh(%) TH/DT
	<b>Tổng chi (A+B+C+D)</b>	<b>167.888</b>	<b>76.616</b>	<b>90.022</b>	<b>45,6</b>
<b>A</b>	<b>Tổng chi ngân sách huyện theo dự toán giao đầu năm</b>	<b>131.848</b>	<b>66.503</b>	<b>64.095</b>	<b>50,4</b>
<b>I</b>	<b>Chi đầu tư phát triển</b>	<b>9.694</b>	<b>8.036</b>	<b>1.658</b>	<b>82,9</b>
1	Chi đầu tư XD theo phân cấp	8.961	8.036	925	
	Trong đó - Chi trả nợ vay tín dụng ưu đãi	375	0	375	
	- Chi đầu tư của huyện	8.586	8.036	550	
2	Chi từ nguồn thu tiền sử dụng đất	733	0	733	
<b>II</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>101.558</b>	<b>51.598</b>	<b>48.710</b>	<b>50,8</b>
<b>1</b>	<b>Sự nghiệp Giáo dục:</b>	<b>49.978</b>	<b>24.989</b>	<b>24.989</b>	
<b>2</b>	<b>Sự nghiệp đào tạo</b>	<b>1.316</b>	<b>515</b>	<b>801</b>	
1.1	Trung Tâm BDCT huyện, trong đó:	766	393	373	
	Chi hoạt động cho con người	466	233	233	
	Chi cho mở lớp	300	160	140	
1.2	Chi đào tạo lại của huyện	300	80	220	
1.3	Tham quan học tập	250	42	208	
<b>3</b>	<b>Chi Quản lý HC,NN, đảng, đoàn thể</b>	<b>34.682</b>	<b>18.842</b>	<b>15.840</b>	
3.1	Chi cho Đảng	4.693	2.931	1.762	
	Huyện uỷ	4.693	2.931	1.762	
3.2	Chi Đoàn Thể	2.674	1.337	1.337	
	UBMTTQ Việt nam	601	301	301	
	Huyện Đoàn	563	282	282	
	Hội Phụ Nữ	424	212	212	
	Hội Nông Dân	566	283	283	
	Hội Cựu Chiến Binh	453	227	227	
	Hội người cao tuổi	67	34	34	

STT	Chi tiêu	Tổng Dự toán năm 2016	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2016	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016	So sánh(%) TH/DT
3.3	Chi Quản lý hành chính	24.232	12.116	12.116	
	Hội đồng nhân dân	372	186	186	
	Sinh hoạt phí HĐND	161	81	81	
	Văn phòng uỷ ban	1.741	871	871	
	Phòng Tư Pháp	325	163	163	
	Phòng Hạ Tầng Kinh Tế	456	228	228	
	Phòng Thanh Tra	325	163	163	
	Phòng Tài Chính - Kế hoạch	1.125	563	563	
	Phòng Nội vụ	451	226	226	
	Phòng Nông Nghiệp và PTNT huyện	893	447	447	
	Phòng Tài nguyên Môi Trường	397	199	199	
	Phòng Giáo Dục	328	164	164	
	Phòng Y tế	225	113	113	
	Phòng Lao động TBXH	744	372	372	
	Phòng dân Tộc	438	219	219	
	Phòng Văn hóa-TT	149	75	75	
	Chi trợ cấp ngân sách xã	16.102	8.051	8.051	
3.4	Chi cho công tác khen thưởng	400	312	88	
3.5	Chi đặc thù của huyện	2.683	2.146	537	
4	Sự nghiệp đài TT - truyền hình	1.187	693	494	58,4
5	Chi Sự nghiệp văn hoá thông tin	1.216	710	506	58,4
6	Chi Sự nghiệp thể dục thể thao	300	157	143	52,3
7	Chi đảm bảo xã hội	3.478	1.112	2.366	32,0
8	Quốc Phòng	525	325	200	61,9
9	An Ninh	545	335	210	61,5
10	Chi sự nghiệp kinh tế	5.526	2.761	1.515	50,0
	Trong đó:				
	Sự nghiệp khuyến nông	938	469	469	
	Ban quản lý rừng phòng hộ	739	370	370	
	Hội chữ Thập Đỏ	202	101	101	

STT	 Chỉ tiêu	Tổng Dự toán năm 2016	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2016	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016	So sánh(%) TH/DT
	Tổ Công ích	427	214	214	
	Phòng chống dịch bệnh gia súc, gia cầm	100	50	50	
	Điện thấp sáng	170	85	85	
	Chi sự nghiệp kinh tế khác ( chi tiết như phụ lục số 01)	1.700	1.473	227	
	Phân bổ cho các xã	1.250	1.250	0	
<b>11</b>	<b>Chi trợ giá trợ cước</b>	<b>603</b>	<b>0</b>	<b>603</b>	<b>0,0</b>
<b>12</b>	<b>Chi Sự nghiệp môi trường</b>	<b>718</b>	<b>612</b>	<b>106</b>	<b>85,2</b>
<b>13</b>	<b>Chi khác ngân sách ( chi tiết như phụ lục số 02)</b>	<b>484</b>	<b>88</b>	<b>396</b>	<b>18,2</b>
	Chi khác của huyện	434	38	396	
	Phân bổ cho các xã	50	50	0	
<b>14</b>	<b>Chi thường xuyên khác ( chi tiết như phụ lục số 03)</b>	<b>1.000</b>	<b>459</b>	<b>541</b>	<b>45,9</b>
<b>III</b>	<b>Dự phòng chi ( Chi tiết như phụ lục số 04)</b>	<b>2.770</b>	<b>320</b>	<b>2.450</b>	<b>11,6</b>
	Ngân sách của huyện	2.520	70	2.450	
	Phân bổ cho các xã	250,0	250,0	0	
<b>IV</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh (chi tiết như phụ lục số 05)</b>	<b>17.826,0</b>	<b>6.549,0</b>	<b>11.277,0</b>	<b>36,7</b>
<b>B</b>	<b>Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu ngân sách tỉnh ) phát sinh ( Chi tiết như phụ lục số 06)</b>	<b>4.912</b>	<b>2.859</b>	<b>2.053,0</b>	<b>58,2</b>
<b>C</b>	<b>Chi chuyển nguồn ( chi tiết như phụ lục số 07)</b>	<b>15.704</b>	<b>7.254</b>	<b>8.450,0</b>	<b>46,2</b>
<b>D</b>	<b>Chi kết dư ngân sách</b>	<b>15.424</b>	<b>0</b>	<b>15.424</b>	

**HÌNH THỨC TỪ NGUỒN CHI SỰ NGHIỆP KINH TẾ KHÁC NĂM 2016**

Số báo số: 131 /BC-UBND ngày 28 /6/2016 của Ủy ban Nhân dân huyện Minh Long)

Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Đơn vị thực hiện	Số QĐ ngày tháng 81/QĐ-UBND ngày 29/12/2015	DỰ TOÁN	THỰC HIỆN	CÒN LẠI
	<b>Tổng cộng</b>			<b>1.700.000.000</b>	<b>1.472.720.000</b>	<b>227.280.000</b>
1	Trừ 23% tiết kiệm theo quy định				391.000.000	
2	Quy hoạch chi tiết và quy hoạch chung	Phòng KT&HT huyện	32/QĐ-UBND ngày 26/01/2016		600.000.000	
3	Đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà thi đấu TT huyện	BQL các DA ĐT&XD huyện	31/QĐ-UBND ngày 25/01/2016		481.720.000	

Phụ lục số 02

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI KHÁC NGÂN SÁCH HUYỆN  
THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

(Kèm theo Báo cáo số 1/BC-UBND ngày 28/6/2016 của UBND huyện)

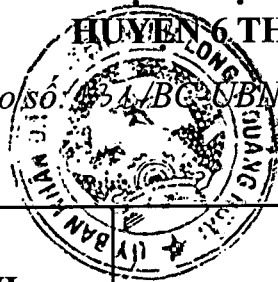


DVT: đồng

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	Phòng Lao động - TBXH huyện	Hỗ trợ kinh phí thực hiện chương trình tặng quà trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn nhân Tháng hành động vì trẻ em 2016	3.600.000	
2	Phòng Y tế huyện	Hỗ trợ tổ chức kiểm tra liên ngành về hành nghề Y, Dược tư nhân, kinh doanh dược phẩm, mỹ phẩm, thực phẩm chức năng	3.000.000	
3	Chi cục Thống kê huyện	Hỗ trợ kinh phí làm niên giám thống kê 2015	7.000.000	
4	Hội khuyến học huyện	Hỗ trợ kinh phí làm việc với Hội khuyến học tỉnh	2.000.000	
5	Trung tâm y tế huyện	Hỗ trợ KP khám kiểm tra sức khỏe sĩ quan dự bị năm 2016	1.000.000	
6	Huyện đội	Hỗ trợ KP tiêu hủy vật liệu nổ tồn đọng sau chiến tranh	8.000.000	
7	Hạt kiểm lâm	Hỗ trợ KP sửa xe oto	9.000.000	
8	Kho bạc NN	Hỗ trợ KP kỷ niệm ngày thành lập và ngày truyền thống ngành kho bạc NN	4.000.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>37.600.000</b>	

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC NGÂN SÁCH  
HUYỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

(Kèm theo Báo cáo số: 631/BC-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2016 của UBND huyện)

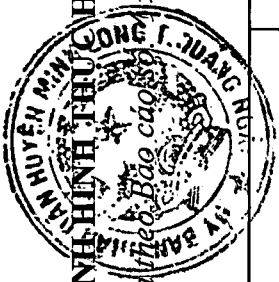


ĐVT: đồng

TT	TÊN ĐƠN VỊ	NỘI DUNG	SỐ TIỀN	GHI CHÚ
1	BCH Quân sự huyện	Hỗ trợ kinh phí đi thăm chiến sĩ mới	10.000.000	
2	Công đoàn UB	Hỗ trợ 1/6 cho các cháu thiếu nhi	7.000.000	
3	VP. HĐND&UBND huyện	Ứng hỗ Quỹ nghĩa tình đồng đội và Mái ấm công đoàn	1.000.000	
4	Văn phòng Huyện ủy	Mua máy điều hòa	35.000.000	
5	Long Sơn	Mua bộ thu FM loa truyền thanh không dây	25.000.000	
6	Thanh An	Mua 05 bộ thu FM loa truyền thanh không dây	18.000.000	
7	Long Mai	Mua 05 bộ thu FM loa truyền thanh không dây	18.000.000	
8	Long Môn	Mua 02 bộ thu FM loa truyền thanh không dây	7.000.000	
9	VP. HĐND&UBND huyện	Hỗ trợ KP sửa xe oto	50.000.000	
10	Phòng LĐ- TBXH huyện	Hỗ trợ KP cho thuê nhân công bốc vác gạo hỗ trợ nhân dịp Tết Nguyên đán 2016	4.000.000	
11	Phòng LĐ- TBXH huyện	Hỗ trợ KP thuê xe chở người có công với cách mạng đi điều dưỡng tập trung	8.000.000	
12	Ủy ban MTTQVN huyện	Hỗ trợ KP tiếp Tập đoàn Viên thông quân đội về tặng quà	5.000.000	
13	Phòng Nội vụ huyện	Mua máy photo phục vụ công tác bầu cử	75.000.000	
14	Văn phòng Huyện ủy	Hỗ trợ KP giao lưu với huyện ủy Nghĩa Hành	28.000.000	
15	HĐND huyện	Hỗ trợ KP tổ chức hội nghị tổng kết HĐND nhiệm kỳ 2011-2016	118.000.000	
16	Long Hiệp	Hỗ trợ KP tổ chức hội nghị tổng kết HĐND nhiệm kỳ 2011-2017	10.000.000	
17	Long Mai	Hỗ trợ KP tổ chức hội nghị tổng kết HĐND nhiệm kỳ 2011-2018	10.000.000	
18	Thanh An	Hỗ trợ KP tổ chức hội nghị tổng kết HĐND nhiệm kỳ 2011-2019	10.000.000	
19	Long Sơn	Hỗ trợ KP tổ chức hội nghị tổng kết HĐND nhiệm kỳ 2011-2020	10.000.000	
20	Long Môn	Hỗ trợ KP tổ chức hội nghị tổng kết HĐND nhiệm kỳ 2011-2021	10.000.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>459.000.000</b>	

## TỈNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ PHÒNG CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016

(Kèm theo Bảo cáo số 31/BC-UBND ngày 28/6/2016 của Ủy ban Nhân dân huyện Minh Long)



Đơn vị tính: đồng

TT	NỘI DUNG THỰC HIỆN	Đơn vị	Số QĐ	DỰ TOÁN	THỰC HIỆN	CÒN LẠI
	<b>Tổng cộng</b>			<b>2.770.000.000</b>	<b>390.000.000</b>	<b>2.380.000.000</b>
I	Giao dự toán cho các xã			250.000.000	250.000.000	
II	Ngân sách huyện			2.520.000.000	70.000.000	2.450.000.000
III	Phân khai cho các đơn vị					
1	Hỗ trợ cho diễn tập	xã Thanh An			70.000.000	



Phụ lục số 05

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KINH PHÍ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH  
TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM 2016**

(Kèm theo Báo cáo số: 13/BC-UBND ngày 28/6/2016 của Ủy ban Nhân dân huyện Minh Long)

Đơn vị: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán tỉnh giao năm 2016	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2016	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016
	<b>Tổng số</b>	<b>17.826</b>	<b>6.549</b>	<b>11.278</b>
1	Cải cách tiền lương	411	0	411
2	Hỗ trợ phụ cấp cho cán bộ lãnh đạo các hội theo Quyết định số 1748/QĐ-UBND ngày 02/12/2011 của UBND tỉnh	460	230	230
3	Bổ sung sự nghiệp văn hóa thông tin theo Quyết định số 27/2011/QĐ-UBND ngày 04/11/2011 của UBND tỉnh	117	59	59
4	Chính sách thu hút sinh viên về công tác ở xã theo Quyết định số 458/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh	102	51	51
5	Chính sách CBCC cấp xã nghỉ việc, thôi việc theo Quyết định số 459/2008/QĐ-UBND ngày 26/12/2008 của UBND tỉnh	60	60	0
6	Hỗ trợ đối với CBCC cử đi đào tạo trong và ngoài nước theo Quyết định số 481/2008/QĐ-UBND ngày 31/12/2008 của UBND tỉnh	650	380	270
7	Hỗ trợ người nghèo vùng khó khăn theo QĐ 102/2009/QĐ-TTg	270	0	270
8	Xếp ngạch bậc lương cho CBCC xã theo QĐ 281/QĐ-UBND của UBND tỉnh ngày 15/11/2013	520	260	260
9	Chính sách người hoạt động không chuyên trách ở xã, thôn, tổ dân phố theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND	2.913	1.457	1.457
10	Bổ sung KP Đề án dân quân thường trực bảo vệ trụ sở UBND xã; Đề án tổ ANND	350	175	175
11	Đề án 600 và đề án 500 tri thức trẻ	473	237	237
12	Bổ sung kinh phí thực hiện chính sách BHXH theo NĐ 13 và luật người cao tuổi	1.000	0	1.000
13	Hỗ trợ tiền điện hộ nghèo và hộ chính sách	1.092	0	1.092
14	Ngăn chặn tình trạng chặt phá rừng và chữa cháy rừng theo QĐ số 08/2015/QĐ-UBND ngày 10/20/2015	145	145	0
15	Chính sách người uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	164	82	82
16	Chúc thọ các cụ cao tuổi	60	60	0



Số TT	Nội dung	Dự toán tính giao năm 2016	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2016	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016
17	Chế độ thù lao cá nhân chi trả trợ cấp BHXH	38	19	19
18	Kinh phí quản lý chương trình 135	20	20	0
19	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ quy hoạch	347	347	0
20	Nâng cấp nhà làm việc UBND xã Long Sơn và một số nhiệm vụ do ngân sách huyện đảm bảo nhưng chưa đủ nguồn	3.000	2.518	482
21	Học bổng học sinh dân tộc bán trú và Trường PTDT bán trú	1.944	0	1.944
22	Hỗ trợ kinh phí thực hiện đối với đảng bộ cơ sở	900	450	450
23	Cấp bù thù lợi phí	1.702	0	1.702
24	Hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	810	0	810
25	Chính sách giáo dục đối với người khuyết tật	278	0	278

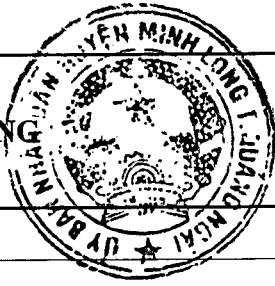
**BÁO CÁO KINH PHÍ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU PHÁT SINH  
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2016**

(Kèm theo Báo cáo số 14/BC-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2016 của UBND huyện)



ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016
<b>I</b>	<b>Tổng kinh phí bổ sung có mục tiêu</b>	<b>4.179.671.916</b>	<b>2.126.628.305</b>	<b>2.053.043.611</b>
<b>1</b>	<b>Kinh phí hỗ trợ thực hiện Chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học SEQAP năm 2016 theo Quyết định số 30/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi. Trong đó:</b>	<b>535.536.000</b>	<b>267.768.000</b>	<b>267.768.000</b>
<b>1.1</b>	<b>Quỹ phúc lợi học sinh (Mã CTMT: 00335)</b>	<b>433.536.000</b>	<b>216.768.000</b>	
	Trường TH và THCS Long Môn (Tiểu học)	77.634.000	38.817.000	
	Trường TH Thanh An	95.255.000	47.627.500	
	Trường TH Long Hiệp	65.240.000	32.620.000	
	Trường TH Long Mai 1	43.610.000	21.805.000	
	Trường TH Long Mai 2	41.550.000	20.775.000	
	Trường TH Long Sơn	110.247.000	55.123.500	
<b>1.2</b>	<b>- Quỹ giáo dục nhà trường (Mã CTMT: 00334)</b>	<b>102.000.000</b>	<b>51.000.000</b>	
	Trường TH và THCS Long Môn (Tiểu học)	18.265.000	9.132.500	
	Trường TH Thanh An	22.412.000	11.206.000	
	Trường TH Long Hiệp	15.349.000	7.674.500	
	Trường TH Long Mai 1	10.260.000	5.130.000	
	Trường TH Long Mai 2	9.776.000	4.888.000	
	Trường TH Long Sơn	25.938.000	12.969.000	
<b>2</b>	<b>Rút kinh phí thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới 2016 theo Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 17/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi (Mã CTMT: 00391)</b>	<b>66.000.000</b>	<b>33.000.000</b>	<b>33.000.000</b>
	BCĐ nông thôn mới huyện	60.000.000	30.000.000	
	Long Hiệp	1.200.000	600.000	




TT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016
	Long Mai	1.200.000	600.000	
	Long Sơn	1.200.000	600.000	
	Long Môn	1.200.000	600.000	
	Thanh An	1.200.000	600.000	
<b>3</b>	<b>Rút kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 tỉnh Quảng Ngãi (đợt 3) theo Quyết định số 73/QĐ-UBBC ngày 25/4/2016 của Ủy ban bầu cử tỉnh</b>	<b>205.000.000</b>	<b>205.000.000</b>	<b>0</b>
	Phòng Tư pháp		5.000.000	
	UB kiểm tra huyện ủy		2.000.000	
	Ban tuyên giáo huyện ủy		2.000.000	
	Phòng TC- KH huyện		2.000.000	
	UB bầu cử huyện		114.055.000	
	UB MTTQVN huyện		10.000.000	
	Hội Liên hiệp phụ nữ huyện		3.000.000	
	Hội nông dân huyện		3.000.000	
	Huyện đoàn		3.000.000	
	Phòng Văn hóa & Thông tin huyện		40.000.000	
	Đài truyền thanh		3.000.000	
	Xã Long Sơn		17.945.000	
<b>4</b>	<b>Rút kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 tỉnh Quảng Ngãi (đợt 2) theo Quyết định số 54/QĐ-UBBC ngày 22/4/2016 của Ủy ban bầu cử tỉnh</b>	<b>210.000.000</b>	<b>210.000.000</b>	<b>0</b>
	Xã Long Sơn		93.660.000	
	Xã Long Môn		84.240.000	
	Xã Thanh An		32.100.000	
<b>5</b>	<b>Rút kinh phí thực hiện chi cho các Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên các huyện theo Quyết định số 655/QĐ-UBND ngày 22/4/2016 của CT UBND tỉnh</b>	<b>1.336.080.916</b>	<b>445.360.305</b>	<b>890.720.611</b>
	Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện	1.336.080.916	445.360.305	

TT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016
6	Rút kinh phí thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp năm 2016 (đợt 1) theo Quyết định số 739/QĐ-UBND ngày 29/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	249.055.000	0	249.055.000
7	Kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình 135 năm 2016 theo Quyết định số 156/QĐ-UBND ngày 25/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	1.343.000.000	730.500.000	612.500.000
7.1	Hỗ trợ phát triển sản xuất (Mã CTMT: 00291)	1.225.000.000	612.500.000	612.500.000
	Long Môn	291.000.000	145.500.000	
	Thanh An	242.000.000	121.000.000	
	Long Mai	238.000.000	119.000.000	
	Long Sơn	254.000.000	127.000.000	
	Long Hiệp	200.000.000	100.000.000	
7.2	Vốn duy tu bảo dưỡng (Mã CTMT: 00292)	118.000.000	118.000.000	
	Long Sơn : Sửa chữa nhà văn hóa Thôn Gò Tranh - Long Sơn		118.000.000	
8	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 tỉnh Quảng Ngãi (đợt 4) theo Quyết định số 114/QĐ-UBBC ngày 16/5/2016 của UBBC tỉnh	235.000.000	235.000.000	0
	Thường trực Huyện ủy		27.164.500	
	Công an		10.000.000	
	BCH quân sự huyện		4.000.000	
	Ủy ban bầu cử Huyện		110.835.500	
	Ủy ban MTTQVN huyện		10.000.000	
	Huyện đoàn		2.000.000	
	Phòng Văn hóa - TT huyện		3.000.000	
	Đài truyền thanh và PLTH huyện		3.000.000	
	UBND xã Long Sơn		12.000.000	
	UBND xã Long Môn		12.000.000	
	UBND xã Thanh An		12.000.000	
	UBND xã Long Hiệp		17.000.000	
	UBND xã Long Mai		12.000.000	
9	Kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Đông Xuân, phòng chống hạn Hè Thu 2016	600.000.000	0	600.000.000



TT	NỘI DUNG	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016
	Phòng Nông nghiệp và PTNT		0
10	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 tỉnh Quảng Ngãi (đợt 5) theo Quyết định số 159/QĐ-UBBC ngày 30/5/2016 của UBBC tỉnh	20.000.000	20.000.000
11	Kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2016-2021 tỉnh Quảng Ngãi (đợt 4) theo Quyết định số 159/QĐ-	20.000.000	20.000.000
III	Tạm ứng ngân sách tỉnh	732.815.000	732.815.000
1	Tạm ứng kinh phí để thực hiện chính sách tinh giản biên chế năm 2015 (đợt 1) theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP (Theo Quyết định số 81/QĐ-UBND ngày 18/01/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi)	204.205.000	204.205.000
	Văn phòng HĐND - UBND huyện		145.234.000
	Long Môn		58.971.000
2	Tạm ứng kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIV và đại biểu HĐND các cấp tỉnh Quảng Ngãi nhiệm kỳ 2016-2021 (đợt 1) theo Quyết định số 350/QĐ-UBND ngày 8/3/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	220.000.000	220.000.000
	Thường trực huyện ủy		15.000.000
	BTC huyện ủy		3.000.000
	Ban tuyên giáo huyện ủy		2.000.000
	Thường trực HĐND huyện		10.000.000
	UBBC huyện		45.000.000
	Ủy ban MTTQ VN		15.000.000
	Phòng Văn hóa - TT		17.000.000
	Đài truyền thanh PLTH		3.000.000
	Văn phòng HĐND - UBND huyện		10.000.000
	Long Sơn		23.000.000
	Long Môn		15.000.000
	Thanh An		20.000.000
	Long Hiệp		21.000.000
	Long Mai		21.000.000



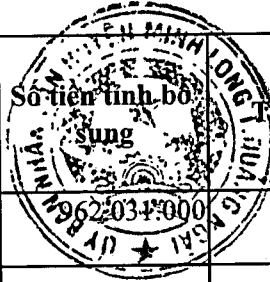
TT	NỘI DUNG	Dự toán	Ước thực hiện 6 tháng đầu năm	Nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2016
3	Tạm ứng ngân sách tỉnh để thực hiện chỉnh sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/NĐ-CP ngày 20/11/2014 đối với khối đảng 6 tháng cuối năm 2015 và đợt I năm 2016 theo Quyết định số 755/QĐ-UBND ngày 5/5/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	209.191.000	209.191.000	
4	Tạm ứng kinh phí thực hiện tinh giản biên chế năm 2015 (đợt 2) theo Quyết định số 700/QĐ- UBND ngày 25/4/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	319.419.000	319.419.000	
	Trường Tiểu học Long Mai I		134.546.000	
	UBND xã Long Mai		108.852.000	
	UBND xã Long Hiệp		76.021.000	
	<b>Tổng cộng ( I+II)</b>	<b>4.912.486.916</b>	<b>2.859.443.305</b>	<b>2.053.043.611</b>

## TỔNG HỢP KINH PHÍ NĂM 2015 XIN CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM 2016

(Kèm theo Báo cáo số 12/BC-UBND ngày 28/6/2016 của UBND huyện)

ĐVT: đồng

TT	NỘI DUNG	Số tiền tính bổ sung	Thực hiện	Còn lại xin chuyển nguồn sang năm 2016	Thực hiện 6 tháng năm 2016	So sánh (%) TH/DT
	<b>Tổng cộng</b>	<b>47.034.630.999</b>	<b>16.711.391.408</b>	<b>15.704.428.661</b>	<b>7.254.700.783</b>	<b>46,2</b>
<b>A</b>	<b>Kinh phí có mục tiêu</b>	<b>39.553.837.666</b>	<b>12.314.724.000</b>	<b>10.446.790.000</b>	<b>4.777.967.000</b>	
<b>I</b>	<b>sung có mục tiêu theo dự toán đầu n</b>	<b>8.695.000.000</b>	<b>5.137.825.000</b>	<b>1.726.438.000</b>	<b>0</b>	
1	Hỗ trợ phụ cấp lãnh đạo các hội theo Quyết định số 1748/QĐ-UBND	460.000.000	352.198.000	107.802.000		
2	Chính sách CBCC cấp xã nghỉ việc thôi việc theo QĐ 459/2008/QĐ-UBND	90.000.000	0	90.000.000		
3	Hỗ trợ bảo vệ và phát triển đất trồng lúa	780.000.000	0	780.000.000		
4	Kinh phí miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị định số 49/2010/NĐ-CP	750.000.000	648.420.000	101.580.000		
5	Kinh phí thực hiện Quyết định 85/2010/QĐ-TTG	2.365.000.000		534.263.000		
6	Hỗ trợ tiền ăn trưa cho trẻ 3 đến 5 tuổi	1.250.000.000	1.170.260.000	79.740.000		
7	Hỗ trợ xây dựng trụ sở xã Thanh An	3.000.000.000	2.966.947.000	33.053.000		
<b>II</b>	<b>Bổ sung có mục tiêu trong năm 2015</b>	<b>30.858.837.666</b>	<b>7.176.899.000</b>	<b>8.720.352.000</b>	<b>4.777.967.000</b>	
1	Rút kinh phí thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP	6.090.000.000	5.256.282.000	833.718.000	139.192.000	
	Trạm khuyến nông huyện		139.192.000		139.192.000	
	Ban quản lý rừng phòng hộ		690.000.000			
	Trung tâm dân số KHHGD		100.000.000			
	Xã Long Mai		934.000.000			
	Xã Thanh An		1.300.000.000			
	Xã Long Sơn		510.000.000			
	Xã Long Hiệp		1.100.000.000			
	Phòng Nội vụ huyện		300.000.000			
	Phòng Lao động TBXH		111.090.000			
	Phòng Lao động TBXH		72.000.000			



TT	NỘI DUNG	Số tiền tinh bổ sung	Thực hiện	Còn lại xin chuyển nguồn sang năm 2016	Thực hiện 6 tháng năm 2016	So sánh (%) TH/DT
2	Rút kinh phí tiền điện hộ nghèo năm 2015		859.392.000	102.639.000		
	Xã Long Môn		86.271.000			
	Xã Long Mai		242.427.000			
	Xã Thanh An		149.382.000			
	Xã Long Sơn		163.608.000			
	Xã Long Hiệp		217.704.000			
3	Rút kinh phí khắc phục hậu quả hạn hán và xâm nhập mặn vụ Hè thu năm 2015 theo Quyết định số 2201/QĐ-UBND ngày 14/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	700.000.000	0	700.000.000	700.000.000	
4	Rút kinh phí từ nguồn thu vượt dự toán HĐND tỉnh năm 2014	5.000.000.000	1.061.225.000	3.938.775.000	3.938.775.000	
5	Kinh phí thực hiện bảo vệ rừng và khoanh nuôi rừng tái sinh	210.000.000	0	210.000.000		
6	Kinh phí thực hiện chính sách bảo trợ xã hội năm 2015	778.020.000	0	778.020.000		
7	Rút kinh phí thực hiện định canh định cư năm 2015 theo Quyết định số 2359/QĐ-UBND ngày 29/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi	1.014.200.000	0	1.014.200.000		
8	Rút kinh phí thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2013 và 2014	729.000.000	0	729.000.000		
9	Rút kinh phí thực hiện chính sách chi trả học bổng và hỗ trợ mua sắm phương tiện, đồ dùng học tập cho người khuyết tật năm 2014	193.000.000	0	193.000.000		
10	Rút kinh phí thực hiện cải cách tiền lương và chế độ, chính sách năm 2015	221.000.000	0	221.000.000		
<b>B</b>	<b>Kinh phí chuyển nguồn năm 2014 sang năm 2015</b>	<b>175.000.000</b>	<b>46.532.719</b>	<b>128.467.281</b>	<b>128.467.281</b>	
1	Nâng cao khả năng sử dụng máy tính và truy cập Internet cộng đồng tại Việt nam	103.000.000	37.532.719	65.467.281	65.467.281	
2	Kinh phí lập hồ sơ xếp hạng di tích, lý lịch bản đồ vị trí và dẫn đường đến di tích căn cứ núi mùm xã Long môn	72.000.000	9.000.000	63.000.000	63.000.000	



TT	NỘI DUNG	Số tiền tính bổ sung	Thực hiện	Còn lại xin chuyển nguồn sang năm 2016	Thực hiện 6 tháng năm 2016	So sánh (%) TH/DT
C	Kinh phí Ngân sách sách theo Quyết định số 52/QĐ-UBND ngày 27/12/2014 của UBND huyện giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2015	7.305.793.333	4.350.134.689	2.958.658.644	177.753.766	
1	Sự nghiệp phòng Văn hóa Thông tin	568.900.000	555.036.234	13.863.766	13.863.766	
2	Sự nghiệp thể dục thể thao (phòng VH-TT huyện)	180.000.000	152.659.000	27.341.000	27.341.000	
3	Dự phòng chi	2.820.000.000	1.161.221.655	1.658.778.345		
4	10% tiết kiệm chi thường xuyên 8 tháng theo dự toán năm 2015	824.893.333	0	824.893.333		
5	Chi khác ngân sách	474.000.000	323.480.000	150.520.000		
6	Chi đào tạo lại của huyện	400.000.000	266.955.800	133.044.200		
7	Sự nghiệp Giáo dục; trong đó:					
	- Sự nghiệp phòng	1.888.000.000	1.754.451.000	133.549.000	133.549.000	
	- Kinh phí mua sách vở cho trường Mầm non Ánh dương			3.000.000	3.000.000	
8	Công trình thoát nước dọc tại điểm đầu tuyến đường Trung tâm y tế ngã ba ông Tiến	150.000.000	136.331.000	13.669.000		
D	Kinh phí tự chủ của các đơn vị dự toán			1.840.172.103	1.840.172.103	
E	Kinh phí thực hiện chương trình đảm bảo chất lượng giáo dục trường học SEQAP năm 2015			330.340.633	330.340.633	